

Bản án số: 11/2019/ HNGĐ- ST

Ngày 13/6/2019

V/v “Hôn nhân và gia đình,
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Bùi Thị Kim Hiền

2- Bà Nguyễn Thị Anh Tấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Anh Ninh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13/6/2019 tại trụ sở TAND huyện Phù Ninh - tỉnh Phú Thọ, TAND huyện Phù Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12 ngày 10/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy T - sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu 2, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Hôm nay, vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Trần Thị M - sinh năm 1973.

Địa chỉ: khu 2, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Hôm nay, vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai tiếp theo anh Nguyễn Duy T trình bày: anh và chị Trần Thị M được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B huyện P, tỉnh Phú Thọ năm 1996. Sau kết hôn vợ chồng về ở chung với bố mẹ anh một thời gian ngắn sau đó vợ chồng ra ở riêng. Tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian dài đến 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống. Mâu thuẫn này đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng cũng không cải thiện được mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ

chồng không còn quan tâm đến nhau, sống ly thân nhau từ 2017 đến nay. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không còn, anh xin được ly hôn.

Về con chung: anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 10/11/1996 và cháu Nguyễn Trang N - sinh ngày 15/10/2005. Khi ly hôn do cháu Tuấn A đã trưởng thành nên anh không có đề nghị gì, anh xin được nuôi cháu N và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: anh T xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung, công sức: anh T xác nhận đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với chị Trần Thị M: Đã được tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị M vắng mặt nên không có lời khai Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Anh Nguyễn Duy Tân làm đơn xin ly hôn với chị Trần Thị M và yêu cầu giải quyết về phần con chung khi ly hôn. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a, khoản 1 điều 35 BLTTDS.

{2} **Về quan hệ hôn nhân:** Anh T và chị M kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ là phù hợp với luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Theo anh T mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, mâu thuẫn này đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng cũng không cải thiện được mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay nên anh xin được ly hôn chị M. Về phía chị M mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và gửi các văn bản tố tụng cho chị M để chị M thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng chị M không có mặt.

Theo biên bản làm việc ngày 13/5/2019 tại UBND xã B đại diện chính quyền địa phương cung cấp: anh Nguyễn Duy T và chị Trần Thị M tự nguyện kết hôn năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Sau kết hôn anh chị về chung sống tại khu 2 xã B, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào UBND xã cũng không nắm được. Chỉ biết thời gian gần đây anh T có làm đơn ra TAND huyện Phù Ninh xin ly hôn chị M và UBND xã B cũng nhận được một số văn bản của TAND huyện Phù Ninh như: thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm việc; các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi UBND xã có cử cán bộ đưa thư của

UBND xã B đến giao cho chị M. Tuy nhiên chị M không có mặt tại gia đình nên UBND không giao được các văn bản tố tụng trên cho chị M.

Tại biên bản làm việc ngày 13/5/2019 với gia đình ông Trần Văn C - sinh năm 1933 địa chỉ khu 9, xã Đ, huyện P, tỉnh Phú Thọ (là bố đẻ chị M) cung cấp như sau: Chị M và anh T tự nguyện kết hôn năm 1996 tại UBND xã B. Sau kết hôn anh chị về chung sống tại khu 2 xã B. Trong quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn. Nay anh T xin ly hôn chị M, gia đình ông không nhận được văn bản nào về việc ly hôn giữa chị M và anh T. Tuy nhiên anh T có đến gia đình ông cho biết việc anh xin ly hôn chị M và gia đình cũng thông báo cho chị M, chị M cũng biết được việc anh T xin ly hôn chị. Quan điểm của chị là do điều kiện công việc không thường xuyên có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật. Quan điểm của ông C là nếu anh chị không còn tình cảm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Duy T có đơn xin được xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm là xin được ly hôn với chị M vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó nên xử cho anh T được ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

{3} Về con chung: anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 10/11/1996 và cháu Nguyễn Trang N - sinh ngày 15/10/2005. Khi ly hôn do cháu Tuấn A đã trưởng thành nên anh không có đề nghị gì, anh xin được nuôi cháu N và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Quá trình giải quyết vụ án chị M thường xuyên không có mặt tại địa phương, không có lời khai và cũng không hòa giải được nên không thể hiện được về phần con chung. Hiện nay cháu Nguyễn Trang N đang ở với anh T, để đảm bảo quyền lợi về nuôi con cần giao cháu Nguyễn Trang N cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T không yêu cầu.

{4} Về tài sản chung: anh T xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận. Do chị M vắng mặt nên không có lời khai, tòa án không đặt ra xem xét.

{5} Về nợ chung, công sức: Anh T xác nhận là không có nên không đặt ra xem xét.

{6} Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện VKS nhân dân huyện Phù Ninh có quan điểm: vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị Tòa án xử cho anh Nguyễn Duy T được ly hôn với chị Trần Thị M. Về con chung: giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trang N; Về tài sản chung: không đặt ra xem xét; Về nợ chung, công sức: anh T xác nhận là không có nên không xem xét.

{7} Về án phí: anh Nguyễn Duy T phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

*** Về quan hệ hôn nhân:** Xử: Cho anh Nguyễn Duy T và chị Trần Thị M ly hôn.

*** Về con chung:** giao cho anh Nguyễn Duy T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Trang N - sinh ngày 15/10/2005 đến khi thành niên. Chị Trần Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Duy T.

Hai bên đều có quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

*** Về tài sản chung:** không xem xét giải quyết.

*** Về nợ chung, công sức:** Không xem xét giải quyết.

*** Về án phí:** Anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002237 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Anh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để đề nghị tòa án xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh, huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu: HS-VP (10).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Vân